

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HS-ST
Ngày 10-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đẹp;

Ông Nguyễn Văn Cương;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa sơ thẩm, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Phạm Văn Q, sinh năm 1986 tại tỉnh Thanh Hóa. Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Q; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Thu H; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019. Ngày 05/9/2020 thực hiện hành vi phạm tội, ngày 09/9/2020 bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Q: Ông Mai Tiến L - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH D, địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố TH, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Th (Giấy ủy quyền ngày 16/9/2020), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988, địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố TH, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người làm chứng*: bà Lâm Mỹ N, sinh năm 1961, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Q là công nhân Công ty TNHH D, địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố TH, tỉnh Bình Dương (gọi tắt là Công ty) do bà H, người Đài Loan làm Tổng giám đốc. Do không có tiền nên Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Công ty để tiêu xài. Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 05/9/2020, Q đi bộ từ phòng trọ của Q tại khu phố B, phường B, thành phố TH, tỉnh Bình Dương đến Công ty. Q leo tường rào vào bên trong khuôn viên Công ty, đi đến cửa sổ khu vực sản xuất, dùng tay đập nhẹ nhiều lần vào cửa thì chốt cửa bung ra, mở cửa leo vào bên trong Công ty. Do Q từng nhìn thấy thủ quỹ Công ty lấy tiền từ tủ sắt để trong văn phòng trả lương cho công nhân nên Q đi đến, mở cửa văn phòng không khóa và đi đến vị trí tủ sắt, dùng một tua vít dài khoảng 20cm, một đầu dẹp, một đầu gắn cán nhựa màu đen mang theo trên người cạy và mở được tủ sắt, nhìn thấy tại vị trí ngăn tủ thứ hai có một túi nylon, bên trong chứa nhiều cọc tiền mang nhiều mệnh giá khác nhau nên Q lấy túi nylon bên trong có đựng tiền này đi ra ngoài Công ty theo hướng cũ. Khi leo ra tường rào, Q giấu túi nylon bên trong có chứa tiền vừa chiếm đoạt được tại vị trí xe container đậu sát tường rào rồi đi bộ về phòng trọ. Q lấy xe mô tô biển số 52X2 – 5649 điều khiển đến vị trí cất giấu tiền, lấy tiền và bỏ vào cốp xe 52X2 – 5649 rồi đi về. Trên đường đi về, Q lấy 80.475.000 đồng, trong tổng số tiền vừa chiếm đoạt được, trả nợ cho một người tên Tư (không rõ nhân thân, lai lịch) 80.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân 475.000 đồng; số tiền còn lại 703.385.000 đồng Q để trong cốp xe 52X2 – 5649 mang về và chôn vào trong thùng xốp để trước cửa phòng trọ của Q.

Khoảng 07 giờ 40 phút ngày 07/9/2020, bà Lâm Mỹ N là thủ quỹ của Công ty phát hiện mất số tiền 783.860.000 đồng để trong tủ sắt Công ty nên đến Công an phường B để trình báo sự việc. Cùng ngày, Công an thành phố TH phối hợp cùng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương xem hình ảnh camera Công ty và nghi vấn Phạm Văn Q là người đã chiếm đoạt tiền của Công ty. Cơ quan điều tra mời Phạm Văn Q đến trụ sở làm việc, Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của Q và chỉ nơi cất giấu số tiền chiếm đoạt của Công ty. Trên cơ sở lời khai của Q, Cơ quan điều tra đã thu giữ dưới lớp đất trong thùng xốp đặt trước cửa phòng trọ của Q 703.385.000 đồng. Ngày 22/9/2020, Cơ quan điều tra ban hành quyết định xử lý vật chứng, trả số tiền này cho Công ty. Ngoài ra, Phạm Văn Q tác động gia đình, khắc phục hậu quả trả lại cho Công ty 80.475.000 đồng nên Công ty D không có yêu cầu gì đối với Q.

Đối với mô tô biển số 52X2-5649 (kiểu dáng Atiala), số khung: RLGH125CD6D043599, số máy: VMM9BA – D043599; kết quả tra cứu không tìm thấy dữ liệu tra cứu nguồn gốc đối với xe mô tô này. Bị cáo Q khai mua xe mô tô trên của một người thanh niên không rõ nhân thân lai lịch với giá 1.500.000 đồng để làm phương tiện đi lại, xe không có giấy chứng nhận đăng ký xe.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS.P1 ngày 01/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Phạm Văn Q ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Q với mức án từ 08 (tám) năm đến 10 (mười) năm tù. Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công Nhà nước đối với chiếc xe mô tô là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo căn cước công dân của bị cáo, đối với các tài sản khác không còn giá trị sử dụng và tại phiên tòa bị cáo không đồng ý nhận lại nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Q là ông Mai Tiến L trình bày: Về hình phạt, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 08 (tám) năm đến 10 (mười) năm tù là quá nặng; bị cáo Q có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra vụ án đã phối hợp tốt với Cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án; quá trình làm việc tại Công ty là công nhân tốt; là lao động chính trong gia đình, có 02 con còn nhỏ, vợ chưa có việc làm; bị cáo có phần nhận thức về pháp luật còn hạn chế; do nợ nần nên phát sinh tức thời hành vi phạm tội; bị cáo tác động gia đình bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả. Do đó, đề nghị áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hơn mức đề nghị của Viện Kiểm sát cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tranh luận bổ sung: Người bào chữa cho bị cáo cho rằng, mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị là quá nặng và đề nghị áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hơn mức đề nghị của Viện Kiểm sát cho bị cáo là chưa phù hợp; Viện Kiểm sát đã áp dụng tình tiết thân khẩn khai báo, ăn năn cho bị cáo là đã phù hợp. Do đó, không có cơ sở để áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Văn Q không có ý kiến tranh luận và thống nhất với nội dung bào chữa của người bào chữa.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Công ty TNHH D tranh luận, về tài sản đã thu hồi đủ nên không có yêu cầu gì; Công ty xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Đối với 80.475.000 đồng bà đã bỏ ra để khắc phục hậu quả cho Công ty TNHH D thay cho bị cáo, bà H không yêu cầu bị cáo Q phải trả lại số tiền trên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình lo cho vợ, con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn Q khai nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 05/9/2020, tại trụ sở Công ty TNHH D, địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố TH, tỉnh Bình Dương, Phạm Văn Q lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của Công ty TNHH D đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 783.860.000 đồng của bị hại. Hành vi của bị cáo Phạm Văn Q có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”. Vì vậy, Cáo trạng của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Văn Q về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH D là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo đồng thời phát huy tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Nhận thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo có hai con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo dưới khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho bị hại, đồng thời bị hại Công ty TNHH D không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Q 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn Q; đối với 01 (một) áo thun nam màu trắng có đề hiệu Adidas; 01 (một) áo thun nam màu đen có đề hiệu Adidas; 01 (một) quần đùi ngang gối màu trắng, thắt lưng có 03 sọc; 01 (một) đôi dép kẹp màu xanh đen; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xám có 03 sọc trắng, có chữ Mobile của bị cáo Q không còn giá trị sử dụng và bị cáo không nhận lại nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 (một) mô tô biển số 52X2 – 5649 là tài sản của bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[9] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về phần hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Q đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2020.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự.

2.1 Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Q 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn Q.

2.2 Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun nam màu trắng có đề hiệu Adidas; 01 (một) áo thun nam màu đen có đề hiệu Adidas; 01 (một) quần đùi ngang gối màu trắng, thắt lưng có 03 sọc; 01 (một) đôi dép kẹp màu xanh đen; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xám có 03 sọc trắng, có chữ Mobile.

2.3 Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô hai bánh màu trắng (kiểu dáng Attila), mang biển kiểm soát: 52X2 – 5649, có số khung, số máy: RLGH125CD6D043599, số máy: VMM9BA – D043599, tình trạng xe đã cũ, bị trầy xước, dè phía trước và đèn phía sau bị bể, không có kính chiếu hậu bên phải (không kiểm tra được tình trạng bên trong).

(Vật chứng được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Bình Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Văn Q phải nộp 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (5);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Định Hòa;
- Lưu: VP (2), hồ sơ vụ án, PVT, 18.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài